

VACO



CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax consulting
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation



CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020

Hà Nội, tháng 08 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 25

1028
CỔ
KIẾ
V
NH

CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

A28, BT6, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cẩn, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Công Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Thông	Thành viên
Ông Trần Trọng Tính	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 05/06/2020)
Ông Phạm Văn Chính	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 05/06/2020)

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Thông	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

Người đại diện pháp luật

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Công Cương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Từ ngày 23/10/2018 đến thời điểm lập báo cáo này

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng Quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó, đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

A28, BT6, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cẩn, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Công Cương

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020



Số: 304 /VACO/BCSX.NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14/08/2020, từ trang 5 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do các vấn đề về mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi đã không thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Tại ngày 30/06/2020, Công ty đã đặt cọc số tiền là 225 tỷ VND theo Hợp đồng số 2005/TDP-CNC ngày 20/5/2020 cho Công ty TNHH Tiến Đại Phát để mua quặng sắt. Ngày 17/7/2020, Công ty và Công ty Tiến Đại Phát đã ký phụ lục Hợp đồng giãn tiến độ giao hàng từ ngày 20/7/2020 (ngày giao hàng đợt 1 theo hợp đồng đã ký kết) đến 20/9/2020. Tại thời điểm phát hành báo cáo soát xét, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng để đánh giá được khả năng thực hiện hợp đồng trên cũng như khả năng thu hồi khoản đặt cọc; theo đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để đưa ý kiến về chỉ tiêu phải thu khác và ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

Như trình bày tại Thuyết minh số 07 - Phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đang sở hữu 2.524.600 cổ phần Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà, tương ứng giá gốc khoản đầu tư là 92.063.098.487 VND. Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà đang gặp các vấn đề khó khăn trong hoạt động kinh doanh và có những dấu hiệu trọng yếu ảnh hưởng đến hoạt động liên tục. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá được giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được số liệu cần điều chỉnh của Chỉ tiêu dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

Tại ngày 30/06/2020, Công ty đang ghi nhận khoản phải trả Ông Lê Minh Công trên chỉ tiêu phải trả ngắn hạn khác với số tiền là 1.350.000.000 VND; khoản nợ này chưa được Công ty đối chiếu, xác nhận nợ. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục soát xét thích hợp, theo đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá tính hiện hữu, đầy đủ, chính xác đối với khoản công nợ này và liệu có phải điều chỉnh gì liên quan đến giá trị khoản công nợ này cũng như ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Công ty đang bị áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng kể từ ngày 14/12/2019 theo Biên bản làm việc ngày 20/12/2019 giữa Công ty với Chi cục Thuế Quận Nam Từ Liêm và Quyết định số 22816/QĐ-CCT ngày 12/12/2019. Ban Điều hành của Công ty đã nhận biết vấn đề trên và sẽ có các biện pháp để cải thiện tình hình trên của Công ty. Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Bùi Ngọc Bình

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0657-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		261.037.332.127	1.339.935.823
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		290.237.185	82.629.682
1. Tiền	111	4	290.237.185	82.629.682
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		260.717.192.509	1.246.192.508
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	1.202.192.508
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	34.515.000.000	44.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	226.202.192.509	-
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.902.433	11.113.633
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.902.433	11.113.633
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		92.067.289.963	318.167.414.466
I. Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	92.063.098.487	318.154.840.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		92.063.098.487	318.154.840.000
II. Tài sản dài hạn khác	260		4.191.476	12.574.466
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.191.476	12.574.466
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		353.104.622.090	319.507.350.289

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		39.977.583.800	7.740.083.658
I. Nợ ngắn hạn	310		39.977.583.800	7.740.083.658
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	1.123.544.400
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	8	3.278.838.702	3.199.762.462
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		60.000.000	184.000.000
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	9	3.922.470.049	2.766.501.747
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	10	32.300.000.000	50.000.000
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		416.275.049	416.275.049
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		313.127.038.290	311.767.266.631
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	313.127.038.290	311.767.266.631
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(148.500.000)	(148.500.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.248.825.147	1.248.825.147
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.026.713.143	10.666.941.484
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.666.941.484	11.677.363.901
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.359.771.659	(1.010.422.417)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		353.104.622.090	319.507.350.289



Nguyễn Công Cương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Nguyễn Cẩm Tiên
Kế toán trưởng

Nguyễn Cẩm Tiên
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		-	-
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11		-	-
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	-
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	12	2.068.915.442	3.600
6. Chi phí tài chính	22	13	390.406.834	84.234.294
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
7. Chi phí bán hàng	25		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	14	232.254.367	288.354.176
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (25 + 26)}	30		1.446.254.241	(372.584.870)
10. Thu nhập khác	31		30.837	-
11. Chi phí khác	32	15	86.513.419	54.767.448
12. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(86.482.582)	(54.767.448)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.359.771.659	(427.352.318)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		1.359.771.659	(427.352.318)
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	45	(14)



Nguyễn Công Cương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Nguyễn Cẩm Tiên
Kế toán trưởng

Nguyễn Cẩm Tiên
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.359.771.659	(427.352.318)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.068.915.442)	(3.600)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(709.143.783)	(427.355.918)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(259.489.788.801)	305.037.771.898
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	17.628.180
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(12.499.858)	73.822.220
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	8.382.990	8.382.990
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(260.203.049.452)	304.710.249.370
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(318.154.840.000)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	228.160.000.000	24.800.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	656.955	3.600
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	228.160.656.955	(293.354.836.400)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	35.300.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.050.000.000)	(11.030.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	32.250.000.000	(11.030.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	207.607.503	325.412.970
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	82.629.682	26.360.845
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	290.237.185	351.773.815



Nguyễn Công Cương
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Nguyễn Cẩm Tiên
 Kế toán trưởng

Nguyễn Cẩm Tiên
 Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101971512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/01/2009, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 09 tháng 11 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 300.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại A28, BT6, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cẩn, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 3 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- ✓ Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng kinh doanh (chính);
- ✓ Sản xuất gang thép;
- ✓ Vận tải hàng khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe bus);
- ✓ Vận tải hàng khách đường bộ khác;
- ✓ Khai thác khí đốt tự nhiên;
- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác: Bán buôn thiết bị nhiệt, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị cấp nước, thiết bị phụ tùng ô tô, xe máy, máy dân dụng và máy móc các loại, thiết bị văn phòng, đồ mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, trang thiết bị y tế, thiết bị phòng cháy, thiết bị dạy nghề và thiết bị nghiên cứu dạy học; bán buôn thiết bị, máy móc công nghiệp; điện tử viễn thông, vi tính - tin học; mua bán thiết bị trường học; mua bán các trang thiết bị phòng thí nghiệm, hóa học, sinh học, vật lý; mua bán thang máy; mua bán hệ thống tủ điện công nghiệp, dân dụng; mua bán hệ thống âm thanh, ánh sáng, truyền hình, tổng đài; mua bán hệ thống điều hòa thông gió; mua bán hệ thống bếp; giặt là công nghiệp; mua bán hệ thống Sauna, Steam; mua bán hệ thống khí y tế, khí công nghiệp; bán buôn máy móc thiết bị y tế.
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- ✓ Khai thác khoáng chất và khoáng phân bón;
- ✓ Sản xuất linh kiện điện tử;
- ✓ Sản xuất thiết bị truyền thông;
- ✓ Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- ✓ Các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty là:

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác: bán buôn thiết bị nhiệt, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị cấp nước, thiết bị phụ tùng ô tô, xe máy, máy dân dụng và máy móc các loại, thiết bị văn phòng, đồ mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, trang thiết bị y tế, thiết bị phòng cháy, thiết bị dạy nghề và thiết bị nghiên cứu dạy học; bán buôn thiết bị, máy móc công nghiệp; điện tử viễn thông, vi tính - tin học; mua bán thiết bị trường học; mua bán các trang thiết bị phòng thí nghiệm, hóa học, sinh học, vật lý; mua bán thang máy; mua bán hệ thống tủ điện công nghiệp, dân dụng; mua bán hệ thống âm thanh, ánh sáng, truyền hình, tổng đài; mua bán hệ thống điều hòa thông gió; mua bán hệ thống bếp; giặt là công nghiệp; mua bán hệ thống Sauna, Steam; mua bán hệ thống khí y tế, khí công nghiệp; bán buôn máy móc, thiết bị y tế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Hội đồng Quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Hội đồng Quản trị đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính, tài sản được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết nhưng được giao dịch trên sàn UPCOM, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty/Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trong kỳ, Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu xuất khẩu tại thời điểm xuất hàng ra khỏi kho và xuất hóa đơn. Hội đồng Quản trị đánh giá thời gian vận chuyển hàng tới cảng là ngắn, chưa từng xảy ra rủi ro trên đường vận chuyển tới cảng làm ảnh hưởng tới việc ghi nhận doanh thu và Công ty áp dụng nhất quán chính sách như đã nêu qua các năm. Hội đồng Quản trị Công ty tin tưởng rằng việc Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu sớm như trên là phù hợp và phản ánh đúng doanh thu thực tế của Công ty.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

56-C
TY
H
OÁN
TO
HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản lỗ lũy kế (lỗ kế toán) là 54.381.720 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa là 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế trên do Công ty chưa chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tiền mặt	267.032.195	46.593.354
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.204.990	36.036.328
Cộng	290.237.185	82.629.682

5. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<i>a) Trả trước người bán là các bên liên quan</i> (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 21)	5.015.000.000	-
<i>b) Trả trước người bán là đối tượng khác</i>	34.515.000.000	44.000.000
Công ty TNHH Tiến Đại Phát (i)	16.400.000.000	-
Công ty CP TM Vận Tải Du Lịch Thiên Ân (ii)	13.100.000.000	-
Công ty CP TM và XD Trần Nguyên (iii)	5.015.000.000	-
Đối tượng khác	-	44.000.000

Ghi chú:

- (i) Theo Hợp đồng kinh tế số 2502-2020/CNC-TĐP ngày 25/02/2020, Công ty mua các bộ thực hành với giá trị là 23,5 tỷ VND. Công ty thanh toán 16,4 tỷ VND trong vòng 70 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian giao hàng trong vòng 8 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- (ii) Theo Hợp đồng kinh tế số 1804-2020/CNC-TA ngày 18/04/2020, Công ty mua máy móc với giá trị là 18,7 tỷ VND. Công ty thanh toán 13,1 tỷ VND trong vòng 5 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn giao hàng trong vòng 7 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- (iii) Theo Hợp đồng kinh tế số 0105-2020/CNC-TN ngày 01/05/2020, Công ty mua máy móc trị giá 7,6 tỷ VND. Công ty thanh toán 5,015 tỷ VND trong vòng 5 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn giao hàng trong vòng 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

6. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
<i>Phải thu khác ngắn hạn</i>	226.202.192.509	-	-	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ ký cược (i)	225.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH SX Lắp ráp và Thương mại Nam Đô (ii)	1.202.192.509	-	-	-

Ghi chú:

- (i) Là khoản đặt cọc cho Công ty TNHH Tiến Đại Phát theo Hợp đồng mua bán quặng sắt số 2005/TDP-CNC ngày 20/5/2020 và các phụ lục Hợp đồng kèm theo. Tiền đặt cọc sẽ được căn trừ dần vào các lần mua hàng. Thời gian thực hiện hợp đồng trong 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian giao hàng lần đầu dự kiến theo Hợp đồng là ngày 20/7/2020 và đã được gia hạn đến ngày 20/9/2020.
- (ii) Là khoản tiền Công ty TNHH SX Lắp ráp và Thương mại Nam Đô trả nhậm cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

7. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ					
	Số cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Số cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.524.600	92.063.098.487	-	128.224.434.000	8.724.600	318.154.840.000	-	483.717.997.800
Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (i)	2.524.600	92.063.098.487	-	128.224.434.000	8.724.600	318.154.840.000	-	483.717.997.800

Ghi chú:

- (i) Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 2005A/2020/NQ-HDQT ngày 20 tháng 05 năm 2020 thông qua nội dung thoái vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà để bổ sung vốn lưu động của Công ty; số lượng thoái là 6,2 triệu cổ phần, giá thoái không thấp hơn giá trị đầu tư ban đầu. Ngày 25/5/2020, Công ty với 3 Công ty: Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Du lịch Thiên Ân, Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Châu Dương và Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phú Doanh đã thực hiện giao dịch thỏa thuận qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng và Đầu tư Phát triển Việt Nam với khối lượng giao dịch là 6,2 triệu cổ phần, giá 36.800 VND/1 cổ phần; tổng giá trị là 228.160.000.000 VND.

Trong kỳ, Công ty đã dùng khoản tiền thu được từ việc chuyển nhượng này để đặt cọc cho Công ty TNHH Tiên Đại Phát theo Thuyết minh số 06- Phái thu khác phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 01/01/2020 và 30/06/2020 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		Tỷ lệ phần số hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần số hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà	Thái Bình	5,21%	5,21%	17,99%	17,99%

Tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà trong năm 2020

Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (“Công ty BOT”) hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng nhà các loại và công trình công ích; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; ... được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 1001045855 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 16/10/2014 và thay đổi lần 4 ngày 11/02/2020. Hoạt động chính của Công ty là xây dựng, lắp đặt thiết bị và thu phí cầu đường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

7. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP THEO)

Tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà trong năm 2020

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 của Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà đã được soát xét: Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 30/6/2020 là 485.000.000.000 VND; Lỗ chưa phân phối lũy kế tại ngày 30/6/2020 là (144.403.988.647) VND. Doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2020 là 12.577.404.544 VND. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty âm, các khoản nợ tín dụng được thanh toán nhờ vào sự tài trợ của cổ đông lớn là Công ty TNHH Tiến Đại Phát.

Ngày 04/02/2020, Công ty đã có Công văn số 05/2020/TH-KTKH gửi Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Cục Đường bộ Việt Nam và Ban Quản lý dự án Thăng Long đề cập đến một số vấn đề tồn tại từ bước lập dự án đầu tư, mời nhà đầu tư, triển khai xây dựng, khai thác dự án cầu Thái Hà là những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Đồng thời, Công ty đưa ra một số kiến nghị với các cơ quan quản lý Nhà nước nhằm giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện cho nhà đầu tư có thể thu đúng, thu đủ để hoàn vốn đầu tư, cụ thể như: Đề xuất được đặt bộ sung trạm thu phí, thực hiện tư vấn độc lập dự án đánh giá lượng xe thực tế qua cầu, được vốn hóa các chi phí trong thời gian chờ hoạt động, ... Hiện tại Công ty đang chờ văn bản trả lời của Bộ Giao thông Vận tải và các cấp có thẩm quyền về các nội dung theo công văn trên.

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư

Tại ngày 30/06/2020, Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Cầu Thái Hà được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ do Sở Giao dịch chứng khoán công bố, theo số liệu Công ty tính toán là 51.209 VND/ cổ phần.

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	3.278.838.702	82.076.240	3.000.000	3.199.762.462
Thuế giá trị gia tăng	1.106.935.194	-	-	1.106.935.194
Thuế TNDN	439.225.762	-	-	439.225.762
Thuế thu nhập cá nhân	51.430.000	-	-	51.430.000
Thuế khác	1.681.247.746	82.076.240	3.000.000	1.602.171.506

Công ty đang bị áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng kể từ ngày 14/12/2019 theo Biên bản làm việc ngày 20/12/2019 giữa Công ty với Chi cục Thuế Quận Nam Từ Liêm và Quyết định số 22816/QĐ-CCT ngày 12/12/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

9. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	<u>3.922.470.049</u>	<u>2.766.501.747</u>
Các khoản trích theo lương	76.995.594	44.571.692
Ông Lê Minh Công (i)	1.350.000.000	1.350.000.000
Lãi quá hạn (ii)	1.368.672.552	1.368.672.552
Công ty CP Thương Mại Trường Lưu Thủy (iii)	1.123.544.400	-
Các khoản phải trả khác	3.257.503	3.257.503
Cộng	<u>3.922.470.049</u>	<u>2.766.501.747</u>

Ghi chú:

- (i) Là số tiền bao gồm gốc vay và lãi vay ông Lê Minh Công nộp cho Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình để giải chấp Tài sản đảm bảo khoản vay.
- (ii) Khoản lãi quá hạn phải trả Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình. Gốc vay đã được ông Lê Minh Công trả theo Thuyết minh 9.(i).
- (iii) Là khoản Công ty trả nhằm tiền cho Công ty CP Thương Mại Trường Lưu Thủy.

CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM
 A28, BT6, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cẩn,
 Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09a-DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	32.300.000.000	32.300.000.000	35.300.000.000	3.050.000.000	50.000.000	50.000.000
Ông Ngô Tiến Cường (i)	32.300.000.000	32.300.000.000	35.300.000.000	3.000.000.000	-	-
Ông Ngô Tiến Hải	-	-	-	50.000.000	50.000.000	50.000.000

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng cho vay tiền số 0211-2020/HĐVTCNC-NTC ngày 02/01/2020 giữa Công ty với ông Ngô Tiến Cường; số tiền vay là 35,3 tỷ VND; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất 0%/tháng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm trước	300.000.000.000	(148.500.000)	1.248.825.147	11.677.363.901	314.370.112.400
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	(1.010.422.417)	(1.010.422.417)
Số dư đầu kỳ	300.000.000.000	(148.500.000)	1.248.825.147	10.666.941.484	311.767.266.631
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	1.359.771.659	1.359.771.659
Số dư cuối kỳ	300.000.000.000	(148.500.000)	1.248.825.147	12.026.713.143	313.127.038.290

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Vốn góp VND	Tỷ lệ %	Vốn góp VND	Tỷ lệ VND
Bà Nguyễn Thị Chi Phương	35.302.000.000	11,77%	35.302.000.000	11,77%
Ông Vương Văn Ba	20.000.000.000	6,67%	20.000.000.000	6,67%
Các cổ đông khác	244.698.000.000	81,56%	244.698.000.000	81,56%
Tổng cộng	300.000.000.000	100%	300.000.000.000	100%

b) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	656.955	3.600
Lãi bán khoản đầu tư	2.068.258.487	-
Cộng	2.068.915.442	3.600

13. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	66.307.842
Chi phí tài chính khác	390.406.834	17.926.452
Cộng	390.406.834	84.234.294

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

14. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	119.760.705	160.693.144
Chi phí đồ dùng văn phòng	8.382.990	7.000.000
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	5.055.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.622.650	55.605.455
Chi phí khác bằng tiền	15.488.022	60.000.000
Cộng	232.254.367	288.354.176

15. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Tiền phạt chậm nộp và truy thu thuế	79.899.246	37.139.268
Chi phí khác	6.614.173	17.628.180
Cộng	86.513.419	54.767.448

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	1.359.771.659	(427.352.318)
Điều chỉnh cho thu nhập không chịu thuế	86.513.419	-
Cộng: Chi phí không được trừ	86.513.419	-
Chuyên lỗ	1.446.285.078	-
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

17. KẾ HOẠCH CHUYỂN LỠ

Tại ngày 30/06/2020, Công ty còn khoản lỗ tính thuế là 54.381.720 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ). Kế hoạch chuyển lỗ của Công ty như sau:

Năm phát sinh	Thời gian chuyển lỗ	Tình trạng	Số lỗ được chuyển	Số lỗ đã chuyển			Số lỗ còn được chuyển
				Năm 2018	Năm 2020	Tổng	
2017	2018-2022	Chưa quyết toán	(1.908.438.569)	1.016.575.361	891.863.208	1.908.438.569	-
2019	2020-2024	Chưa quyết toán	(608.803.590)	-	554.421.870	554.421.870	(54.381.720)
Cộng			(2.517.242.159)	1.016.575.361	1.446.285.078	2.462.860.439	(54.381.720)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.359.771.659	(427.352.318)
Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.359.771.659	(427.352.318)
Số cổ phiếu bình quân trong năm	30.000.000	30.000.000
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	45	(14)
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Trong kỳ, hoạt động của Công ty chỉ tập trung chủ yếu trong địa bàn thành phố Hà Nội, trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ, Công ty chỉ có hoạt động bán 6,2 triệu cổ phần tại Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Các khoản vay	32.300.000.000	50.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	290.237.185	82.629.682
Nợ thuần	32.009.762.815	(32.629.682)
Vốn chủ sở hữu	313.127.038.290	311.767.266.631
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,10	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	290.237.185	82.629.682
Phải thu khách hàng và phải thu khác	226.202.192.509	1.202.192.508
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	92.063.098.487	318.154.840.000
Tổng cộng	319.757.720.690	319.439.662.190
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	32.300.000.000	50.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	3.922.470.049	3.890.046.147
Chi phí phải trả	60.000.000	184.000.000
Tổng cộng	36.282.470.049	4.124.046.147

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỉ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối kỳ			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	290.237.185	-	290.237.185
Phải thu khách hàng và phải thu khác	226.202.192.509	-	226.202.192.509
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	92.063.098.487	92.063.098.487
Tổng cộng	227.694.622.203	92.063.098.487	319.757.720.690
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	32.300.000.000	-	32.300.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	3.922.470.049	-	3.922.470.049
Chi phí phải trả	60.000.000	-	60.000.000
Tổng cộng	36.282.470.049	-	36.282.470.049
Chênh lệch thanh khoản thuần	191.412.152.154	92.063.098.487	283.475.250.641
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số đầu kỳ			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	82.629.682	-	82.629.682
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.202.192.508	-	1.202.192.508
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	24.800.000.000	24.800.000.000
Tổng cộng	1.284.822.190	24.800.000.000	26.084.822.190
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	50.000.000	-	50.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	3.890.046.147	-	3.890.046.147
Chi phí phải trả	184.000.000	-	184.000.000
Tổng cộng	4.124.046.147	-	4.124.046.147
Chênh lệch thanh khoản thuần	(2.839.223.957)	24.800.000.000	21.960.776.043

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Trần Nguyên	Lãnh đạo chủ chốt Cùng thành viên Hội đồng Quản trị

Trong kỳ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Trả trước cho người bán	5.015.000.000	-
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Trần Nguyên	5.015.000.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Tổng thu nhập	43.086.154	38.747.692

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được soát xét bởi công ty kiểm toán khác. Một số thông tin so sánh được trình bày lại, cụ thể như sau:

<u>Khoản mục</u>	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Số điều chỉnh</u>	<u>Số trình bày lại</u>	<u>Ghi chú</u>
	VND	VND	VND	
<i>Điều chỉnh chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán</i>				
1. Thuế GTGT được khấu trừ	120.403.861	(109.290.228)	11.113.633	(i)
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.309.052.690	(109.290.228)	3.199.762.462	(i)
<i>Điều chỉnh chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh</i>				
1. Chi phí tài chính	17.926.452	66.307.842	84.234.294	(ii)
2. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(306.277.028)	(66.307.842)	(372.584.870)	(iv)
3. Chi phí khác	17.628.180	37.139.268	54.767.448	(iii)
4. Lợi nhuận/(Lỗ) khác	(17.628.180)	(37.139.268)	(54.767.448)	(iv)
5. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(323.905.208)	(103.447.110)	(427.352.318)	(iv)
6. Lợi nhuận sau thuế TNDN	(323.905.208)	(103.447.110)	(427.352.318)	(iv)
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(11)	(6)	(17)	(iv)

Ghi chú:

- (i) Phân loại lại khoản thuế GTGT được khấu trừ và thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.
- (ii) Trích bổ sung tiền lãi ngân hàng năm 6 tháng đầu năm 2019.
- (iii) Điều chỉnh tiền nợ thuế và phạt chậm nộp.
- (iv) Ảnh hưởng của các điều chỉnh trên.



Nguyễn Công Cường
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Nguyễn Cẩm Tiên
Kế toán trưởng

Nguyễn Cẩm Tiên
Người lập biểu